

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/DS - PT  
Ngày: 12 - 3 - 2020  
Tranh chấp  
về chuyển giao nghĩa vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Tấn Quốc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:***  
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp về chuyển giao nghĩa vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Kiều V, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Trần Thanh B, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Giấy ủy quyền ngày 17-7-2018).

***- Bị đơn:***

1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1966;

2. Bà Phan Thị Kim P, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Số 076, tổ 22, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Hứa Hòa T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Kiều V - Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

(Ông B và ông B có mặt; bà P và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25-7-2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều V do ông Trần Thanh B đại diện trình bày:*

Bà Phạm Thị Kiều V yêu cầu ông Phan Văn B, bà Phan Thị Kim P trả cho bà V số tiền 316.000.000 đồng do bà V đã thi hành việc trả tiền giùm cho ông B, bà P đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 07/2015/QĐST-DS ngày 03-02-2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc cho bà Ngô Thị Ngọc V. Việc thi hành án giùm cho ông B, bà P được thể hiện tại Biên lai thu tiền thi hành án số 2571 ngày 13-4-2018 với số tiền 216.867.275 đồng và biên lai số 7478 ngày 20-4-2018 với số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng là 316.000.000 đồng.

Về việc ông Phan Văn B cho rằng trong thửa đất số 978, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 1.235,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An mà ông Phan Văn B đã trả lại cho bà Kiều V theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số: 04/2018/QĐST-DS ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có diện tích 359m<sup>2</sup> là của ông B mua nhưng đã chuyển hết qua cho bà Kiều V để cản trừ số tiền 316.000.000 đồng thì bà V xác định không có phần đất nào của ông B mua trong thửa đất số 978 và bà V không có thỏa thuận cản trừ với ông Phan Văn B, bà Phan Thị Kim P. Số tiền bà V đã trả là tiền của vợ chồng bà V, ông Hứa Hòa T, do đó yêu cầu trả lại cho vợ chồng.

*Bị đơn ông Phan Văn B và bà Phan Thị Kim P thống nhất trình bày:*

Năm 2006, bà Phạm Thị Kiều V mua đất của anh ông B là ông Phan Văn T nên bà Kiều V đã nhờ ông Phan Văn B đứng tên dùm diện tích đất 996m<sup>2</sup> giá 19.000.000 đồng tại thửa 978, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 1.235,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An, do bà Kiều V ở nơi khác nên không đủ điều kiện để đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được.

Trước đó, tại vị trí thửa đất này thì vợ chồng ông B có mua diện tích 01 cái ao khoảng 119m<sup>2</sup> và ông T cho vợ chồng ông B thêm diện tích 240m<sup>2</sup> nữa, nên tổng cộng là 359m<sup>2</sup>. Sau khi bà Kiều V mua đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B đã kê khai tổng diện tích của bà V mua và của vợ chồng ông B mua thành thửa đất số 978, tờ bản đồ số 04, diện tích trên giấy chứng nhận là 1.355m<sup>2</sup>, ông B được cấp giấy chứng nhận năm 2009.

Sau đó, bà Phạm Thị Kiều V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B trả lại thửa đất trên thì ngày 17-4-2018, tại buổi hòa giải tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An bà Kiều V yêu cầu vợ chồng ông B trả lại phần diện tích đứng tên dùm là

996m<sup>2</sup> của thửa đất 978 nên các bên thống nhất là bà Phạm Thị Kiều V tự nguyện trả cho bà Ngô Thị Ngọc V số tiền mà vợ chồng ông B nợ bà Ngô Thị Ngọc V theo Quyết định số: 07/2015/QĐST-DS ngày 03-02-2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và vợ chồng ông B đồng ý trả lại cho bà Kiều V là 996m<sup>2</sup> cùng với diện tích do vợ chồng ông B mua là 119m<sup>2</sup>, tổng cộng 1.115m<sup>2</sup>. Còn diện tích 240m<sup>2</sup> sau khi bà Kiều V được đứng tên giấy chứng nhận sẽ cắt chuyển lại cho vợ chồng ông B. Như vậy phần diện tích ông B mua trước đây là 119m<sup>2</sup> được cân trừ với số tiền bà Kiều V trả cho bà Ngọc V là 316.000.000 đồng, ông bà sẽ không yêu cầu bà Kiều V trả lại giá trị đất diện tích 119m<sup>2</sup>. Các bên đã thỏa thuận như vậy tuy nhiên không được ghi rõ vào biên bản. Hiện nay, vợ chồng ông B đã thi hành việc trả lại thửa đất số 978 cho bà Kiều V. Và bà Kiều V đã trả 316.000.000 đồng cho bà Ngọc V nhưng bà Ngọc V không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 393953 số vào sổ 1653 QSDĐ/0513 cấp cho ông B đã thế chấp khi vay tiền của bà Ngọc V nên Ủy ban nhân dân huyện C đã có Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 02-01-2019 hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để cấp lại cho ông B. Do các bên đã thỏa thuận cân trừ lẫn nhau là bà Kiều V trả tiền cho bà Ngọc V nên nay bà Kiều V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B trả số tiền 316.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý. Trường hợp, bà Kiều V vẫn yêu cầu thì ông bà yêu cầu bà Kiều V trả lại diện tích mà ông bà đã mua là 359m<sup>2</sup>. Tòa án có yêu cầu ông bà làm đơn khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại đất nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông B xác định không khởi kiện và ông không nộp đơn kiện vì ông không có tiền đóng tạm ứng án phí. Yêu cầu Tòa án tự xác minh thu thập về diện tích đất mà ông đã mua trong thửa 978 để bảo vệ quyền lợi cho ông.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn B trình bày: Đối với diện tích do vợ chồng ông B mua là 119m<sup>2</sup> nay thuộc thửa 978, tờ bản đồ số 4 do ông B đã sang tên cho bà V thì ông không có yêu cầu. Trước đây, ông có trình bày là giữa ông bà V thỏa thuận cân trừ số tiền 316.000.000 đồng với phần diện tích đất của ông mua là 119m<sup>2</sup> nay ông xác định lại là không phải thỏa thuận cân trừ mà là bà V đồng ý trả nợ thay cho ông và ông không phải hoàn trả tiền lại thì ông sẽ trả diện tích đất thửa 978 lại cho bà V. Do đó, hiện nay các bên đã thực hiện xong thỏa thuận nên ông không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên cho bà V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 109/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ tổ tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 283, 370 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều V đối với ông Phan Văn B, bà Phan Thị Kim P về hoàn trả lại tiền thực hiện nghĩa vụ thay là 316.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2019, nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều V kháng cáo bản án sơ thẩm, bà cho rằng chỉ cho ông B và bà P mượn 316.000.000 đồng để nộp cho cơ quan thi hành án trả nợ cho ông B và bà P chứ không phải thực hiện nghĩa vụ như bản án đã xử. Yêu cầu xét xử phúc thẩm buộc ông B bà P trả cho bà 316.000.000 đồng đã mượn.

Ngày 16-12-2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS như sau: Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành lấy lời khai người làm chứng nhưng khi xét xử không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát là chưa đảm bảo tố tụng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là chưa phù hợp. Bởi vì, bà Kiều V đã thực hiện xong việc thi hành án cho ông B bà P, có sự đồng ý của ông B, bà P và bà Ngọc V. Biên bản hòa giải ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An không thể hiện việc các bên thỏa thuận bà Kiều V sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho ông B bà P và sẽ không nhận lại số tiền này. Ông B cho rằng đã căn trừ vào diện tích đất của ông mua 119m<sup>2</sup> thì ông B phải chứng minh. Do đó, ông B phải có nghĩa vụ hoàn lại tiền theo yêu cầu của bà Kiều V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, Viện Kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trước đây, bà Kiều V có khởi kiện đòi ông B trả lại đất do đứng tên giùm, tại biên bản hòa giải ngày 17-4-2018 các bên thỏa thuận chuyển nghĩa vụ cho bà Kiều V trả nợ cho bà Ngọc V, ông B trả lại đất cho bà Kiều V và hai bên đã thực hiện xong. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc bà Ngọc V giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, diện tích đất của ông B trong thửa số 978, không đưa Viện kiểm sát, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc và bà Ngô Thị Ngọc V tham gia tố tụng. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Kiều V, hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị Kim P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hứa Hòa T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành

phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2015/QĐST-DS ngày 03-02-2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An có nội dung: Ông Phan Văn B và bà Phan Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Ngọc V số tiền 227.300.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Do ông B và bà P không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đã kê biên quyền sử dụng đất thửa số 978, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.355m<sup>2</sup>, loại đất lúa đã cấp cho ông Phan Văn B để đảm bảo thi hành án.

[3] Bà Nguyễn Thị Kiều V đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc nộp thay cho ông B và bà P như sau: Ngày 13-4-2018 nộp 216.867.275 đồng và ngày 20-4-2018 nộp 100.000.000 đồng, tổng cộng là 316.867.275 đồng.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều V với bị đơn ông Phan Văn B có nội dung: Các đương sự đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 978, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 1.235,1m<sup>2</sup> do ông Phan Văn B đứng tên. Bà Phạm Thị Kiều V và ông Hứa Hòa T được quyền quản lý sử dụng thửa đất nêu trên do ông B trả lại; bà Ngô Thị Ngọc V trình bày: *“Bà đồng ý chuyển toàn bộ khoản nợ theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 614/QĐ-CCTHAS ngày 13-02-2015 buộc bà Phan Thị Kim P và ông Phan Văn B phải trả cho bà Ngô Thị Ngọc V số tiền 227.300.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm thi hành án từ bà Phan Thị Kim P và ông Phan Văn B sang cho bà Phạm Thị Kiều V và ông Hứa Hòa T.”*

[5] Nội dung biên bản ngày 17-4-2018 thể hiện do bà Kiều V đồng ý nộp thay cho ông B, bà P số tiền phải thi hành án là 316.867.275 đồng nên ông B, bà P mới đồng ý giao lại thửa đất số 978, tờ bản đồ số 4 cho bà Kiều V và ông T nên bà Ngọc V, bà Kiều V, ông B, bà P mới đồng ý chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 316.867.275 đồng từ ông B, bà P sang cho bà Kiều V. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Kiều V do ông B đại diện cũng thừa nhận nếu ông B không chuyển tên quyền sử dụng đất cho bà Kiều V thì bà Kiều V không trả nợ thay cho ông B. Do đó, khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ là bà Kiều V trở thành bên có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015. Ông B, bà P đã giao lại thửa đất số 978, tờ bản đồ số 4 cho bà Kiều V đứng tên quyền sử dụng đất và bà Kiều V đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông B, bà P. Như vậy, sự thỏa thuận của các đương sự đã được thực hiện xong.

[6] Ông B trình bày, do có thỏa thuận thửa đất số 978 của ông để cho bà Kiều V đứng tên, đổi lại bà Kiều V nhận số nợ 227.300.000 đồng và lãi phát sinh trả cho bà Ngọc V là phù hợp với nội dung biên bản hòa giải ngày 17-4-2018 nêu trên. Bà Kiều V cho rằng cho ông B và bà P mượn tiền để trả nợ cho bà Ngọc V và yêu cầu ông B, bà P trả lại số tiền 316.867.275 đồng nhưng không có chứng

cứ chứng minh việc cho mượn tiền nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều V là đúng pháp luật.

[7] Kháng cáo của bà Kiều V và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều V và hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, trong vụ án này, Tòa án chỉ giải quyết việc ông B và bà P có phải hoàn lại cho bà Kiều V số tiền 316.000.000 đồng hay không, sẽ không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc và bà Ngô Thị Ngọc V; còn việc làm rõ bà Ngọc V có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B hay không, diện tích đất của ông B trong thửa số 978 là không cần thiết vì đây là sự việc đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và bà Kiều V do ông B đại diện thừa nhận bà Kiều V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 978.

[8] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hoàn lại tiền trong việc thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba” là chưa chính xác mà đây là “Tranh chấp về chuyển giao nghĩa vụ” theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 nên cần điều chỉnh về quan hệ pháp luật cần giải quyết.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành lấy lời khai bà Ngọc V nhưng không đưa đại diện Viện kiểm sát tham gia tố tụng là vi phạm khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc về nội dung này là có căn cứ.

#### **[10] Về án phí dân sự phúc thẩm**

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Kiều V kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Kiều V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Kiều V;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 109/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều V yêu cầu ông Phan Văn B, bà Phan Thị Kim P hoàn trả lại số tiền thực hiện nghĩa vụ thay là 316.000.000 đồng.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kiều V được miễn án phí.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Kiều V được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**

